

Bản án số: 138/2017/HSST

Ngày: 12/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T. TP. HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương

2. Ông Phạm Công Hạ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T. thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh P - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2017/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn V, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 233, LTK, phường P, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Bùi Văn V, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1968; có vợ là Phạm Thị Thu H, sinh năm 1991; có 01 con sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 02/2009/HSPT ngày 15/01/2009 Tòa án nhân dân tối cao xử 05 năm tù về tội cướp tài sản (đã xóa án tích), bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2017 đến ngày 14/01/2017 chuyển tạm giam, có mặt.

2. Bùi Văn K, sinh năm 1994; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 7, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Bùi Văn D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2017 đến ngày 14/01/2017 chuyển tạm giam, có mặt.

Người làm chứng:

- Chị Dương Thị T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Người đại diện theo pháp luật của chị Dương Thị T là bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng (là mẹ đẻ); có mặt.

- Chị Đoàn Thị Hoài M, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người đại diện theo pháp luật của chị Đoàn Thị Hoài M là ông Đoàn Văn T, sinh năm 1982 (là bố đẻ) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1982 (là mẹ đẻ); địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Đinh Thị P, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 4, xã Ph, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người đại diện theo pháp luật của chị Đinh Thị P là ông Đinh Khắc T; sinh năm 1972 (là bố đẻ) và bà Vũ Thị D, sinh năm 1974 (là mẹ đẻ); địa chỉ: Thôn 4, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Đinh Thị Kim O, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người đại diện theo pháp luật của chị Đinh Thị Kim O là ông Đinh Khắc T, sinh năm 1966 (là bố đẻ) và bà Đinh Thị N, sinh năm 1979 (là mẹ đẻ); địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; bà N có mặt; ông T vắng mặt.

- Chị Đinh Thị N, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Anh Lê Quý Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh Phan Quang H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 12 LH, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Phố M, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Chị Bàn Thị L, sinh năm 1998; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh L; nơi ở hiện nay: Xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Bùi Văn V, Bùi Văn K bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 04/01/2017, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T kết hợp với Công an xã TĐ kiểm tra phòng 201 quán Karaoke

NA tại thôn M, xã TĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng do Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 trú tại: Phố M, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng làm chủ, đã phát hiện có 11 đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Bùi Văn V; Bùi Văn K; Đoàn Văn T, sinh năm 1987, trú tại: xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; Lê Quý Đ, sinh năm 1987, trú tại: xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; Phan Quang H, sinh năm 1984, trú tại: thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; Đoàn Thị Hoài M, sinh ngày 06/02/2002 (14 tuổi 10 tháng 28 ngày), trú tại: xã TT, huyện T, thành phố Hải Phòng; Dương Thị T, sinh ngày 13/01/2000 (16 tuổi 11 tháng 21 ngày), trú tại: xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; Đinh Thị P, sinh ngày 14/10/2000 (16 tuổi 02 tháng 20 ngày), trú tại: xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; Đinh Thị Kim O, sinh ngày 12/8/2000 (16 tuổi 04 tháng 22 ngày), trú tại: xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; Đinh Thị N, sinh năm 1998, trú tại: xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; Bàn Thị L, sinh ngày 1998, trú tại: xã TD, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ngoài ra, Cơ quan công an còn đưa các đối tượng Nguyễn Thị H (chủ quán); Đỗ Đăng Đ, sinh năm 1991, trú tại: xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng (nhân viên bảo vệ trông coi quán); Đỗ Văn T, sinh năm 1981, trú tại: xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (nhân viên bảo vệ trông coi quán); Vũ Thị H, sinh ngày 12/01/2000 (16 tuổi 11 tháng 22 ngày), trú tại: xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng (là nhân viên của quán), Cao Thị N, sinh ngày 09/10/2001 (15 tuổi 02 tháng 25 ngày), trú tại: xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng (là nhân viên của quán) về trụ sở Công an xã TĐ lập biên bản vụ việc.

Quá trình bắt giữ, Cơ quan Công an thu trong phòng 201: 01 tẩu tự cuốn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành ống, hai đầu tẩu được bọc bằng vỏ tẩu thuốc lá màu vàng bên trong có bám dính chất bột màu trắng nghi là ma túy (mẫu số 03); 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng thu giữ tại hành lang tầng 2 trước cửa phòng 201 (mẫu số 01).

Tiến hành khám xét khẩn cấp quán Karaoke NA, Cơ quan Công an thu giữ: 01 thẻ nhựa cứng (loại thẻ K+) tại thùng rác ở khu vực vệ sinh tầng 3 có bám dính tạp chất (mẫu số 04); 01 đĩa sứ trên chạn rửa bát nhà bếp tầng 1 có bám dính tạp chất (mẫu số 02), 01 túi nylon bám dính tạp chất màu vàng tại sọt rác nhà vệ sinh nữ tầng 1 (mẫu số 06); 01 túi nylon bên trong 01 đoạn điều thuốc cuộn màu trắng và 04 đầu lọc cùng các sợi thuốc tại góc tường bên phải phòng 202 tầng 2 (mẫu số 05).

Tại Bản kết luận giám định số 380/PC54(MT) ngày 05/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 tẩu tự cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành ống có dấu vết chất Ketamine; 01 túi nylon bên trong 01 đoạn điều thuốc cuộn màu trắng và 04 đầu lọc cùng các sợi thuốc có Delta-9-tetrahydricannabinol là hoạt chất có trong cây Cần sa; 01 túi nylon có dấu vết chất MDMA và Methamphetamine, đều không đủ để xác định trọng lượng chất ma túy. Không tìm dấu vết chất ma túy trong mẫu số 01, 02, 04.

Tiến hành giám định thành phần nước tiểu của các đối tượng: Bùi Văn V, Bùi Văn K, Dương Thị T, Đinh Thị P, Đinh Thị N, Đinh Thị Kim O, Phan Quang H, Đoàn Thị

Hoài M, Bàn Thị L, Đoàn Văn T, Lê Quý Đ đều dương tính với các chất ma túy. Cụ thể: Bùi Văn K dương tính với MDMA, Methamphetamine, Ketamine và Cần sa; Bùi Văn V, Lê Quý Đ đều dương tính với MDMA, Methamphetamine; Đinh Thị P, Đoàn Văn T, Bàn Thị L, Dương Thị T, Phan Quang H đều dương tính với MDMA, Methamphetamine, Ketamine; Đinh Thị Kim O, Đoàn Thị Hoài M dương tính với Ketamine; Đinh Thị N dương tính với MDMA, Ketamine.

Kết quả xác minh tại các cơ quan chuyên môn đã xác định: V, K, T, P, N, O, M, L, Th, Đ đều không phải là người nghiện ma túy; Phan Quang H là người nghiện ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn V và Bùi Văn K khai nhận: do có quan hệ bạn bè nên khoảng 23 giờ 45 phút ngày 03/01/2017, V, Th và Đôn đến phòng 201 quán Karaoke N A hát karaoke. Khoảng 30 phút sau thì K (là bạn của Đ), H (là bạn của T) và một đôi nam một nữ (chưa xác định được căn cước, lai lịch) vào hát cùng. Nguyễn Thị H là chủ quán đã gọi 06 nhân viên nữ gồm M, T, P, L, N, O vào hát và uống bia cùng với nhóm của V. Sắp xếp nhân viên xong, Hằng ngồi uống bia cùng nhóm V một lúc rồi đi ngủ. Hằng không biết việc nhóm của V và các nhân viên sử dụng ma túy tại phòng hát. Một lát sau, V lấy 01 túi thuốc lắc và 01 túi Ketamine từ trong túi quần bên phải đang mặc ra. V để túi Ketamine xuống bàn trong phòng hát, còn cầm túi thuốc lắc chia cho Th, H, M, T, N, L, O, P (mỗi người 01 viên). V không đưa thuốc lắc cho K, Đôn và đôi nam nữ trên. K được người nam giới trên đưa cho một viên thuốc lắc nh K không sử dụng, K cất trong túi quần. Còn những người khác được V chia thuốc lắc đã uống hết. Sau đó, V lấy một đĩa sứ, đổ Ketamine ra để mọi người cùng sử dụng. Người nữ giới đưa cho người nam giới (một đôi nam, nữ ở trên) 01 chiếc thẻ cứng (loại thẻ ATM) để đảo ma túy và chia thành nhiều đường thẳng cho mọi người sử dụng. Cả nhóm sử dụng hết lượt ma túy này thì đôi nam nữ trên đi về trước (mang theo thẻ ATM đi). Do không có dụng cụ để kẻ Ketamine nên K đã nói “*em nào kiếm cho anh cái thẻ để anh kẻ Ke*”. Nghe thấy vậy, M đi xuống hỏi Đỗ Đăng Diễm (là nhân viên bảo vệ đang trông quán ở tầng 1) mượn chiếc thẻ nhựa từ đầu K⁺. M không nói cho Diễm biết mượn thẻ để sử dụng ma túy. M cầm thẻ đưa cho K để K đảo và chia ma túy thành 02 đường thẳng, rồi đưa cho H và N sử dụng bằng tẩu tự cuốn. Sau khi H và N sử dụng xong, T tiếp tục đảo và kẻ ma túy thành 04 đường thẳng, T sử dụng hết 02 đường ma túy rồi để đĩa xuống bàn thì P, M, O sử dụng hết 02 đường ma túy còn lại bằng cách hít trực tiếp vào mũi. Sau đó, P tiếp tục đảo và kẻ ma túy cho bản thân sử dụng. Cả bọn vừa sử dụng xong thì bị cơ quan Công an kiểm tra phát hiện, thu giữ vật chứng như nội dung nêu trên. Quá trình bắt giữ, các đối tượng bỏ chạy, tẩu tán vật chứng. K ném viên thuốc lắc cất giấu trong túi quần xuống bồn vệ sinh.

Về nguồn gốc ma túy, V khai do người nam giới vào phòng 201 cùng với K mang đến. Người này đưa cho V túi nylon trong có nhiều viên ma túy tổng hợp và bảo V lát nữa phát cho mọi người trong phòng sử dụng. V đồng ý và cất túi nylon chứa ma túy này vào trong người. Còn túi nylon trong có Ketamine thì người này để trên bàn

trong phòng hát. Cơ quan Công an tiến hành cho V đối chất với những người khác. Kết quả các bên đều giữ nguyên lời khai.

Về lý do khi kiểm tra thành phần nước tiểu của K có nhiều loại ma túy, K khai trước đó đã sử dụng ở nơi khác.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Đào Văn Th, Lê Quý Đ, Phan Quang H, Đoàn Thị Hoài M, Dương Thị T, Đinh Thị P, Đinh Thị Kim O, Đinh Thị N, Bàn Thị L khai như nội dung nêu trên. M và O khai: cả hai đều nhìn thấy T kẻ ma túy để sử dụng cho bản thân rồi đưa cho P sử dụng tiếp. Sau khi P sử dụng ma túy xong thì M và O sử dụng. Tuy nhiên cả T và P đều khai sau khi T sử dụng ma túy xong thì để đĩa Ketamine xuống bàn, P tự lấy đĩa chứa Ketamine trên sử dụng cho bản thân. Cơ quan Công an tiến hành cho M, O đối chất với T. Kết quả các bên đều giữ nguyên lời khai.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Nguyễn Thị H, Đỗ Đăng Đ, Đỗ Văn T, Vũ Thị H, Cao Thị N khai phù hợp với nội dung nêu trên. H gọi các nhân viên đến quán uống bia với nhóm của V, Hằng có ngồi lại uống một vài cốc bia. Sau đó đi ngủ, H không biết việc V, K cùng mọi người sử dụng ma túy tại quán của mình. Đ và T là nhân viên bảo vệ làm nhiệm vụ trông xe và tài sản khác của quán. H và N là nhân viên phục vụ của quán đang ở tầng 1. Đ, T, H, N đều không biết V, K và mọi người sử dụng ma túy tại phòng 201. Lời khai nhận tội của các bị can Bùi Văn V, Bùi Văn K phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với nội dung báo cáo bắt giữ các đồng chí Công an, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: ngày 04/01/2017, Bùi Văn V và Bùi Văn K cùng chung ý chí đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể nhiều người khác. Trong đó, V là người cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của Th, H, M, T, N, L, O, P; Bùi Văn K có hành vi giúp sức cho V bằng cách đảo và kẻ ma túy, đưa cho H, N sử dụng.

Vật chứng gồm: 01 tẩu tự cuốn dạng ống bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng, hai đầu tẩu được bọc bằng vỏ tẩu thuốc lá màu vàng, 01 chiếc đĩa sứ hình bầu dục màu trắng, 01 chiếc thẻ nhựa cứng K⁺ chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

Cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Bùi Văn V phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự. Truy tố Bùi Văn K phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, Đối với 01 chiếc đĩa sứ Cơ quan công an thu trên chạn bát trong nhà bếp tầng 1 quán Karaoke N A. Quá trình điều tra xác định không phải vật chứng của vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị H.

Đối với một số vật chứng Cơ quan công an thu giữ trong quá trình bắt giữ gồm: 01 vỏ túi nylon có bám dính tạp chất màu vàng tại sọt rác nhà vệ sinh nữ tầng 01 (có bám dính chất ma túy là MDMA và Methamphetamine), 01 túi nylon bên trong 01 đoạn điều thuốc cuộn màu trắng và 04 đầu lọc cùng các sợi thuốc ở sát góc tường phòng 201 (có thành phần chất ma túy là Delta-9-tetrahydricannabinol, hoạt chất có trong cây Cần sa). Quá trình điều tra xác định những vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của V, K. Cơ quan điều tra chưa xác định được nguồn gốc những vật chứng này nên tách ra tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn V, Bùi Văn K đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu. Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa khai phù hợp với nội dung của Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát kết luận vụ án, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung cáo trạng đã công bố tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn V, Bùi Văn K phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn V từ 10 (mười) năm đến 11 (mười một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/01/2017.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn K từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/01/2017.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tẩu tự cuốn dạng ống bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 02 đầu tẩu được bọc bằng vỏ tẩu thuốc lá màu vàng, 01 chiếc đĩa sứ hình bầu dục màu trắng, 01 chiếc thẻ nhựa cứng K⁺. Ngoài ra, kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được, các kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, phù hợp nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận: Ngày 04/01/2017, bị cáo V và bị cáo K đã thực hiện hành vi tổ chức đưa trái phép chất

ma túy vào cơ thể của người khác cụ thể V, K đã tổ chức cho Th, H, M, T, N, L, O, P sử dụng trái phép ma túy dạng thuốc lắc và Ketamine.

Các bị cáo Bùi Văn V, Bùi Văn K là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy NH với mong muốn mục đích sử dụng ma túy cũng như đưa được chất ma túy vào cơ thể người khác một cách trái phép các bị cáo vẫn thực hiện và bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo Bùi Văn V, Bùi Văn K đã thỏa mãn cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 197 của Bộ luật Hình sự.

Về T tiết định khung hình phạt: Bị cáo Bùi Văn V thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với Th, H, M, T, N, L, O, P, trong đó M, T, O là người chưa thành niên. Do vậy các bị cáo phải chịu 02 T tiết định khung hình phạt là “đối với nhiều người” và “Đối với người chưa thành niên từ đủ 13 tuổi trở lên” theo điểm b, c khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Bùi Văn K có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với H và N, do vậy các bị cáo phải chịu T tiết định khung hình phạt là “đối với nhiều người” theo điểm b khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tính tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước ta về chất ma túy và việc sử dụng chất ma túy vào mục đích chữa bệnh mà còn xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm nảy sinh tệ nạn ma túy, gây tác hại đến sức khỏe, hạ thấp phẩm giá con người, và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó cần thiết phải xét xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ và nhân thân từng bị cáo

Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo V, K khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội là T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo V có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo K là quân nhân xuất ngũ và có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên các bị cáo V, K được hưởng thêm T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ Luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, do vậy cần thiết phải phân hoá vai trò của từng bị cáo làm cơ sở cho việc lượng hình. Trong vụ án này bị cáo V giữ vai trò chính, bị cáo là người cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của Th, H, M, T, N, L, O và P. Bị cáo Bùi Văn K phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức bằng cách đảo và kẻ ma túy rồi đưa cho H, N sử dụng. Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo V phải cao hơn so với bị cáo K và phải trên mức khởi điểm của khung

hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo từng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo V có nhân thân xấu, bị cáo K tuy nhân thân chưa có tiền án tiền sự song tội phạm mà các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng nên cần thiết phải cách ly xã hội đối với các bị cáo một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự quy định các bị cáo V, K có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo tài liệu điều tra xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo V, K không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập và không có tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo V, K.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 tẩu tự cuốn dạng ống bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng là tiền do Ngân hàng Nhà nước V Nam phát hành nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 02 đầu tẩu được bọc bằng vỏ tẩu thuốc lá màu vàng, 01 chiếc đĩa sứ hình bầu dục màu trắng, 01 chiếc thẻ nhựa cứng K⁺ là phương tiện, dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn V, Bùi Văn K đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 197; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Văn V: 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 197; Điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Văn K: 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2017.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tẩu tự cuốn dạng ống bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Vật chứng thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000755 ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng*).

Tịch thu tiêu hủy 02 đầu tẩu được bọc bằng vỏ tẩu thuốc lá màu vàng, 01 chiếc đĩa sứ hình bầu dục màu trắng, 01 chiếc thẻ nhựa cứng K⁺ chuyển (*Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng*)

- Về án phí: Các bị cáo V, K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, AV, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Hạ - Nguyễn Thị Lương

Lương Ngọc Anh

T, ngày 07 tháng 9 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Khoa và ông Hoàng Đắc Hân.

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Vào hồi giờ phút ngày 07 tháng 9 năm 2015, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với Lê Đức Giang bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức Giang phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Lê Đức Giang 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/5/2015.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về các vấn đề khác:

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 hộp giấy niêm phong số 205/PC54 chứa chất lỏng còn lại sau giám định; 01 phong bì niêm phong số 205/PC54 chứa chất lỏng còn lại sau giám định

+ Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia, số IMEI: 354868/02/437246/0 và 01 điện thoại di động Samsung số IMEI: 358115/04/55350917 đã qua sử dụng.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 8 năm 2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng

(Theo biên lai thu tiền số 0003645 ngày 12/8/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)

+ Buộc bị cáo Lê Đức Giang nộp lại số tiền 200.000 đồng do bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy mà có để sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền nộp lại thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Đức Giang phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Khoa – Hoàng Đức Hân

Khúc Trọng Quang

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, AV, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Khúc Trọng Quang

